TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 12 - 2023
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tân

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 184/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khóm 4, Phường 1, thị xã M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị A:

1. Bà A1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

2. Ông A2, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

3. Anh A3, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 229, Q, phường R, quận S, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà C, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

2. Chị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

3. Chị E, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A và người đại diện theo ủy quyền của chị A trình bày:

Chị A với anh B trước đây là vợ chồng, đến năm 2020, anh chị đã ly hôn theo Quyết định số 217/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 12/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện P. Khi ly hôn về tài sản tự thỏa thuận. Tuy nhiên, do chị A và anh B không tự thỏa thuận được, nay chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn gồm:

- Căn nhà diện tích 93.7m^2 và sân xi măng xây dựng trên phần đất của bà C, tọa lạc tại ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu giá trị còn lại 570.000.000 đồng;

- 01 tivi phòng khách nhãn hiệu TCL 55 inch giá trị còn lại 2.600.000 đồng;

- 01 tivi phòng ngủ nhãn hiệu TCL 32 inch giá trị còn lại 1.600.000 đồng;

- 01 ghế sofa và 01 ghế thư giãn giá trị còn lại 7.500.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Future neo biển kiểm soát 94H2 – 5183 giá trị còn lại 5.000.000 đồng;

- 01 máy lạnh Panasonic 01hp giá trị còn lại 2.000.000 đồng.

- 01 tủ thần tài gỗ giá trị còn lại 3.500.000 đồng;

- 01 bàn ăn bằng gỗ và 06 ghế gỗ giá trị còn lại 2.750.000 đồng;

- 01 kệ chén inox giá trị còn lại 800.000 đồng;

- 01 tranh Phật giá trị còn lại 1.500.000 đồng;

- 01 máy giặt Toshiba giá trị còn lại 700.000 đồng;

Nguồn gốc các tài sản nêu trên do chị A trực tiếp mua, trả tiền cho thầu xây dựng nhà - sân, trả tiền cho các cửa hàng mua vật liệu phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện căn nhà, chị A có công đôn đốc, trực tiếp giám sát xây dựng, hoàn thiện căn nhà. Các tài sản chị A yêu cầu chia hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên chị A xác định đây là tài sản chung của anh chị, nếu anh B xác định đây không phải là tài sản chung thì anh B là người có nghĩa vụ chứng minh.

Về yêu cầu phản tố của anh B đối với chị A thì anh B có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu phản tố của anh B. Riêng xe mô tô biển kiểm soát 94B1-069.13 do A đứng tên và đang quản lý, chị A thống nhất giá trị còn lại của xe là 8.000.000 đồng và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Các yêu cầu phản tố còn lại chị A không chấp nhận toàn bộ.

Đối với yêu cầu độc lập của chị D yêu cầu chị A và anh B trả 145.000.000 đồng tiền hụi; bà C yêu cầu anh B và chị A trả 90.000.000 đồng tiền vay. Các yêu cầu độc lập này chị A không đồng ý.

- Bị đơn anh B trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Tháng 4/2011, anh và chị A chung sống. Đến năm 2020, anh chị đã ly hôn theo Quyết định số 217/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 12/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện P.

Trong thời gian chung sống, do anh và chị A đi làm thu nhập thấp, ngoài ra còn phải đi học nên chỉ mua sắm được một ít tài sản gồm 01 chiếc xe nhãn hiệu Future neo biển kiểm soát 94H2 – 5183, giá trị còn lại 5.000.000 đồng; 01 máy lạnh Panasonic 01hp giá trị còn lại 2.000.000 đồng; 01 tranh Phật giá trị còn lại 1.500.000 đồng; 01 máy giặt Toshiba giá trị còn lại 700.000 đồng. Các tài sản nêu trên anh đồng ý chia theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 tủ thần tài gỗ; 01 bàn ăn bằng gỗ và 06 ghế bằng gỗ; 01 kệ chén inox do mẹ ruột của chị A mua cho anh chị, nay anh đồng ý giao toàn bộ cho chị A, không nhận ½ giá trị.

Đối với căn nhà diện tích 93.7m^2 và sân xây dựng trên phần đất của bà C; 01 tivi phòng khách nhãn hiệu TCL 55 inch; 01 tivi phòng ngủ nhãn hiệu TCL 32 inch; 01 ghế sofa và 01 ghế thư giãn là của bà C, do bà Bắc là người xây dựng nhà và mua tài sản. Tài sản không phải là tài sản chung của anh với chị A, cũng không phải tài sản của riêng anh nên không đồng ý chia. Căn nhà hiện nay có anh, chị E và bà Bắc đang ở, do anh là con ruột đang sống cùng bà Bắc.

Ngoài ra, anh yêu cầu phản tố, yêu cầu chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ với chị A cụ thể như sau:

Yêu cầu chia tài sản:

- Tiền bảo hiểm nhân thọ Bảo Việt 63.902.792 đồng chị A đang quản lý;

- 14 chỉ vàng 24k, nguồn tiền sắm vàng do anh và chị A chuyển nhượng phần đất tại ấp Y, xã X được 170.000.000 đồng, số tiền còn lại anh và chị A dùng đi học, vàng hiện chị A đang quản lý.

- Tiền hốt hụi của chị D 207.500.000 đồng, tiền hụi chị D giao cho chị A, hiện nay chị A đang quản lý.

- 01 chiếc xe Airblade biển kiểm soát 94B1-069.13 do A đứng tên. Giá trị còn lại là 8.000.000 đồng.

- Năm 2019 anh vay 120.000.000 đồng tại Ngân hàng T - chi nhánh huyện P để anh và chị A đi học, chi xài và mua vật dụng sinh hoạt. Năm 2020, anh đã trả toàn bộ số nợ là 141.569.891 đồng, yêu cầu chị A trả cho anh ½ số tiền trên tương ứng 70.784.945 đồng.

Yêu cầu chị A cùng có trách nhiệm trả:

- Tiền hụi chết cho chị D 145.000.000 đồng, anh và chị A mỗi người có trách nhiệm trả 72.500.000 đồng.

- Vay bà C 90.000.000 đồng, vay tiền để mua đất tại Y, xã X, anh và chị A mỗi người có trách nhiệm trả 45.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày yêu cầu độc lập:

Tháng 10/2016, bà cho anh B và chị A vay 90.000.000 đồng, cho vay không yêu cầu trả tiền lãi. Mục đích anh B, chị A vay tiền để sang nhượng phần đất tại ấp Y, xã X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do là mẹ con nên khi cho vay không làm văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Nay yêu cầu chị A và anh B có trách nhiệm trả cho bà 90.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của chị A về chia các tài sản sau khi ly hôn với anh B gồm: Căn nhà diện tích 93.7m^2 và sân xi măng diện tích 92,5m^2 xây dựng trên phần đất của bà C thuộc một phần thửa 75, 76 tờ bản đồ số 80 tọa lạc tại ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; 01 tivi phòng khách nhãn hiệu TCL 55 inch; 01 tivi phòng ngủ nhãn hiệu TCL 32 inch; 01 ghế sofa và 01 ghế thư giãn. Các tài sản nêu trên là của bà, nguồn tiền xây nhà và mua tài sản do bà chuyển nhượng 10m đất tại ấp N cho anh G được 350.000.000 đồng; vay 270.000.000 đồng của chị H (chị ruột của chị A). Do không phải tài sản chung của chị A và anh B, không phải tài sản riêng của anh B nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị A. Căn nhà có bà, anh B và chị E đang ở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D trình bày yêu cầu độc lập:

Chị là chủ hụi, anh B và chị A là hụi viên, anh chị có tham gia hụi do chị làm chủ dây hụi như sau:

+ Hụi 5.000.000 đồng/01 chưng khui ngày 05/4/2019, hụi 29 chưng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi đến nay đã mãn, chị A và anh B tham gia 01 chưng, chị A hốt hụi tại kỳ thứ 13 được 118.000.000 đồng, tiền hụi chị giao cho chị A. Việc giao tiền hụi không làm văn bản, không có chứng cứ chứng minh. Sau khi hốt hụi, chị A và anh B có trả được 01 kỳ hụi số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 14 kỳ hụi chết số tiền 70.000.000 đồng đến nay chị A và anh B chưa trả.

+ Hụi 3.000.000 đồng/01 chưng, khui ngày 20/9/2019, hụi 36 chưng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi đến nay đã mãn, chị A và anh B tham gia 01 chưng, chị A hốt hụi ngày 20/6/2020 tại kỳ thứ 11, được 89.500.000 đồng tiền hụi đã giao cho chị A, giao tiền không làm văn bản. Sau khi hốt hụi, chị A và anh B còn nợ 25 kỳ hụi chết số tiền 75.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi anh B và chị A còn nợ 145.000.000 đồng, nay chị yêu cầu chị A và anh B cùng có trách nhiệm trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị E trình bày trong quá trình tố tụng:

Chị cùng anh B, bà Bắc đang sinh sống trong căn nhà hiện nay chị A có yêu cầu chia sau khi ly hôn với anh B, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 184/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B về chia tài sản sau khi ly hôn.

1.1. Buộc anh B có nghĩa vụ giao cho chị A số tiền 4.600.000 đồng là ½ giá trị các tài sản: 01 chiếc xe nhãn hiệu Future neo biển kiểm soát 94H2 – 5183; 01 máy lạnh Panasonic 01hp; 01 tranh phật; 01 máy giặt Toshiba. Các tài sản nêu trên anh B đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

1.2. Buộc anh B, bà C, chị E giao cho chị A 01 tủ thần tài; 01 bàn ăn gỗ và 06 ghế bằng gỗ; 01 kệ chén inox.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị A về yêu cầu chia các tài sản gồm: Căn nhà diện tích 93.7m^2 và sân xi măng diện tích 92,5m^2 xây dựng trên phần đất của bà C thuộc một phần thửa 75, 76 tờ bản đồ số 80 tọa lạc tại ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; 01 tivi phòng khách nhãn hiệu TCL 55inch; 01 tivi phòng ngủ nhãn hiệu TCL 32inch; 01 ghế sofa và 01 ghế thư giãn.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh B đối với chị A:

Buộc chị A giao cho anh B:

- 31.951.396 đồng là ½ số tiền bảo hiểm; số tiền còn lại 31.951.396 đồng chị A đang quản lý, được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- 4.000.000 đồng là ½ giá trị xe mô tô biển kiểm soát 94B1-069.13 do A đứng tên, xe mô tô hiện nay chị A đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh B đối với chị A về yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ gồm: chia 14 chỉ vàng 24k; chia 207.500.000 đồng tiền hốt hụi của chị D; yêu cầu chị A hoàn trả 70.784.945 đồng là ½ số tiền nợ Ngân hàng; yêu cầu chị A cùng trả 145.000.000 đồng cho chị D; yêu cầu chị A cùng trả 90.000.000 đồng tiền vay của bà C.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà C đối với anh B:

Buộc anh B trả cho bà C số tiền 90.000.000 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị D đối với anh B:

Buộc anh B trả cho chị D 145.000.000 đồng tiền hụi.

7. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị A về yêu cầu anh B trả tiền lãi từ ngày 17/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu chia 01 giá võng; 01 cái giường.

8. Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam không yêu cầu xem xét hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà C và anh G nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 13/10/2023, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm đối với khoản nợ Ngân hàng T - chi nhánh huyện P mà anh đã thanh toán xong, buộc chị A trả cho anh B ½ số tiền tương ứng 70.784.945 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh B; Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 184/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo hướng buộc chị A trả cho anh B 52.469.000 đồng tiền vay của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị A khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với anh B, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn anh B cư trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của bị đơn anh B nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Đối với nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không liên quan đến nội dung kháng cáo, nên Tòa án xét xử vắng mặt người liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[4] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của anh B buộc chị A trả cho anh B ½ số tiền vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện P tương ứng 70.784.945 đồng: Xét thấy, anh B xác định vào năm 2019 anh có vay 120.000.000 đồng của Ngân hàng T - chi nhánh huyện P để anh và chị A đi học,

chi xài và mua vật dụng sinh hoạt. Tuy chị A không thừa nhận có biết khoản tiền vay nêu trên nhưng căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7207LAV2019 06621 ngày 10/12/2019 (Bút lục 307-309) đủ căn cứ xác định giao dịch vay có xảy ra trên thực tế. Đến năm 2020, anh B đã trả toàn bộ số nợ còn lại của hợp đồng vay là 141.569.891 đồng nên anh B yêu cầu chị A trả cho anh ½ số tiền tương ứng 70.784.945 đồng; Chị A không đồng ý cùng trả số tiền trên theo yêu cầu của anh B.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7207LAV2019 06621 ngày 10/12/2019 (Bút lục 307-309) bên vay là cá nhân anh B, cá nhân anh B ký tên khách hàng vay trong hợp đồng. Ngoài ra, chính anh B thừa nhận số tiền vay anh đầu tư cho việc học của hai vợ chồng và chi xài, mua vật dụng sinh hoạt. Căn cứ Giấy xác nhận của Trường Đại học I (Bút lục 332) anh B học Thạc sỹ tại trường với học phí đã đóng 90.000.000 đồng; Trong khi chị A có số tiền học phí ít hơn theo xác nhận của Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu (Bút lục 334) là 15.000.000 đồng. Các vật dụng sinh hoạt thì theo bản án đã xác định một số tài sản như 01 tivi phòng khách nhãn hiệu TCL 55inch; 01 tivi phòng ngủ nhãn hiệu TCL 32inch; 01 ghế sofa và 01 ghế thư giãn không phải tài sản chung vợ chồng, các tài sản còn lại không chứng minh được đã mua từ nguồn tiền 120.000.000 đồng vay của Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B thừa nhận quá trình học cao học tại thành phố Hồ Chí Minh kéo dài trong 02 năm, anh phải chịu chi phí đi lại, ăn ở suốt quá trình học. Như vậy, khoản tiền 120.000.000 đồng chủ yếu chi cho cá nhân anh B. Mặt khác, căn cứ Quyết định thuận tình ly hôn số 217/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tại mục "Về nợ chung" đã thể hiện: "*Chị A và anh B thống nhất xác định anh chị không có nợ ai cũng không ai nợ anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết*". Như vậy, khi ly hôn năm 2020, anh B và chị A không đề cập đến khoản nợ vay 120.000.000 đồng của Ngân hàng T - Chi nhánh huyện P, thừa nhận vợ chồng không có nợ chung. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh B về việc buộc chị A trả lại cho anh số tiền 70.784.945 đồng là có căn cứ, có xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện.

[6] Xét thấy, anh B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, như đã nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[8] Về án phí: do anh B kháng cáo nhưng không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh B; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 184/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 31; Điều 33; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B về chia tài sản sau khi ly hôn.

1.1. Buộc anh B có nghĩa vụ giao cho chị A số tiền 4.600.000 đồng là ½ giá trị các tài sản: 01 chiếc xe nhãn hiệu Future neo biển kiểm soát 94H2 – 5183; 01 máy lạnh Panasonic 01hp; 01 tranh phật; 01 máy giặt Toshiba. Các tài sản nêu trên anh B đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

1.2. Buộc anh B, bà C, chị E giao cho chị A 01 tủ thần tài; 01 bàn ăn gỗ và 06 ghế bằng gỗ; 01 kệ chén inox.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị A về yêu cầu chia các tài sản gồm: Căn nhà diện tích 93.7m^2 và sân xi măng diện tích 92,5m^2 xây dựng trên phần đất của bà C thuộc một phần thửa 75, 76 tờ bản đồ số 80 tọa lạc tại ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; 01 tivi phòng khách nhãn hiệu TCL 55inch; 01 tivi phòng ngủ nhãn hiệu TCL 32inch; 01 ghế sofa và 01 ghế thư giãn.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh B đối với chị A:

Buộc chị A giao cho anh B:

- 31.951.396 đồng là ½ số tiền bảo hiểm; số tiền còn lại 31.951.396 đồng chị A đang quản lý, được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- 4.000.000 đồng là ½ giá trị xe mô tô biển kiểm soát 94B1-069.13 do A đứng tên, xe mô tô hiện nay chị A đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh B đối với chị A về yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ gồm: chia 14 chỉ vàng 24k; chia 207.500.000 đồng tiền hốt hụi của chị D; yêu cầu chị A hoàn trả 70.784.945 đồng là ½ số tiền nợ Ngân hàng; yêu cầu chị A cùng trả 145.000.000 đồng cho chị D; yêu cầu chị A cùng trả 90.000.000 đồng tiền vay của bà C.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà C đối với anh B:

Buộc anh B trả cho bà C số tiền 90.000.000 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị D đối với anh B:

Buộc anh B trả cho chị D 145.000.000 đồng tiền hụi.

7. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị A về yêu cầu anh B trả tiền lãi từ ngày 17/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu chia 01 giá võng; 01 cái giường.

8. Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam không yêu cầu xem xét hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà C và anh G nên không xem xét.

9. Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tổng số tiền 2.179.264 đồng, chị A đã nộp và quyết toán xong nên không xem xét.

10. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

11. Về án phí:

11.1. Án phí sơ thẩm: Án phí chia tài sản chị A phải chịu 2.380.000 đồng. Chị A đã nộp 9.088.000 đồng tiền tạm ứng án phí ngày 31/12/2021 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001976 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí 2.380.000 đồng, hoàn trả cho chị A 6.708.000 đồng.

Anh B phải chịu 11.750.000 đồng. Anh B đã nộp 4.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí ngày 18/7/2022 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009302 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí 4.455.000 đồng, anh B còn phải nộp 7.295.000 đồng.

Hoàn trả cho chị D 3.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 30/3/2023 theo biên lai thu tiền số 0000076 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Các khoản tiền đương sự nhận và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

11.2. Án phí phúc thẩm: Anh B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0009610 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không được hoàn lại.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt